

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại.
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không.
 - Dịch vụ logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan.
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác.
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics.
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên.
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản.
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát..
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác.
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác do Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.
- 4. Tổng số các công ty con** : 15
Trong đó:
 - Số lượng các công ty con được hợp nhất: 13
 - Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 02.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Gemadep (Singapore) Ltd.	70 Shenton way #08 03/04 Marina house, Singapore.	100 %	100 %
Gemadep (Malaysia) Ltd.	4217-4219, 3rd floor, Persiaran Raja, Muda Musa, 4200 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100 %	100 %
Công ty TNHH Một thành viên tiếp vận Gemadep	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100 %	100 %
Công ty TNHH ISS Gemadep	Số 8, Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51 %	51 %
Công ty TNHH Cảng Phước Long	2 Bis 4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Q1 , TP HCM	100%	100%
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Dung Quất	56 Đại lộ Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, Việt Nam	55%	55%
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 15, Harbour View Tower, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100 %	100 %
Công ty CP đại lý liên hiệp vận chuyển Vũng Tàu	Số 1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP Vũng tàu- Tỉnh Bà Rịa	70%	70%
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadep	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH MTV Gemadep Hải Phòng	452 Đường Lê Thánh Tôn, Quận Ngô Quyền TP Hải Phòng	100%	100%
Công ty TNHH Vận Tải Liên Ước		51%	51%
Công ty CP Sư Từ Chúa	2 Bis 4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Q1 , TP HCM	55%	55%
Công ty CP Trường Thọ		26%	52%

6. Các công ty con chưa hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Gemadep Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	Chưa hoạt động – chưa có báo cáo tài chính.
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen- Gemadep	Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Việt Nam	Chưa hoạt động – chưa có báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính , kỳ tài chính .

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các khoản mục trên Báo cáo tài chính của từng đơn vị trong tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 23
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

10. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Trong năm, Tập đoàn chưa khấu hao quyền sử dụng đất do chưa đưa vào sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra để có được chương trình kế toán phục vụ cho việc hạch toán, quản lý kế toán, tài chính. Chi phí này được khấu hao trong 3 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

13. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Tập đoàn trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Tập đoàn trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 2 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ không quá 2 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng của các tháng trước và quý trước.

16. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1-3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

17. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ.

18. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty mẹ (Công ty cổ phần Gemadept): áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Các công ty con:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Gemadep (Singapore) Ltd.: có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 18% trên thu nhập chịu thuế.

Gemadep (Malaysia) Ltd.: thuế suất 20% đối với thu nhập chịu thuế từ 500.000 Ringgit Malaysia (MYR) trở xuống và 28% đối với thu nhập chịu thuế trên 500.000 MYR.

Công ty cổ phần Cảng Quốc Tế Gemadep - Dung Quất được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Các công ty con khác thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Trong việc hợp nhất báo cáo tài chính, các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá cuối kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

giá hối đoái) và chỉ được tính vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi Tập đoàn thanh lý khoản đầu tư thuần này.

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	268.290.529.978	200.964.237.594
Cộng	268.290.529.978	200.964.237.594

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu	235.732.385.978	213.833.786.921
Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng Prudential	4.778.730.000	4.778.730.000
Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam		1.118.338.625
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	1.500.000.000	8.026.401.136
Cộng	242.011.115.978	227.757.256.682

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư các cổ phiếu được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2009) và giá gốc ghi trên sổ kế toán.

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	95.808.996.763	140.189.985.788
Các công ty con hợp nhất	142.201.875.891	106.710.829.078
Cộng	238.010.872.654	246.900.814.866

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	24.782.400.720	44.287.246.534
Gemadept (Singapore) Ltd.		-
Công ty CP Gemadept Logistic	2.057.345.972	
Công ty Hạ Tầng Gemadept	6.991.721.555	
Công ty Gemadept Hải Phòng	179.099.011	
Công ty Cảng Phước Long	11.667.236.158	4.640.400.200
Công ty Cảng Quốc tế Dung Quất	18.309.799.611	76.640.338.600
Cộng	63.987.603.027	125.567.985.334

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác	133.700.176.359	149.997.068.242
Cộng	133.700.176.359	149.997.068.242

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty gạch ốp lát Hà Nội	5.265.000	5.265.000
Công ty thương mại và giao nhận quốc tế	96.124.248	96.124.248
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	161.400.000	161.400.000
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Nguyễn Đức Hùng -YML Hà Nội	140.112.750	140.112.750
Công ty cổ phần Biển Nam Á	312.875.200	367.500.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyễn Trần	190.500.000	190.500.000
Công ty chế biến nông sản thực phẩm Phú Thọ		30.700.000
Công ty TNHH Đông Á	20.400.000	20.400.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Công nợ dự án	10.600.000	10.600.000
Các đối tượng khác	20.671.629	71.783.829
Cộng	1.109.179.399	1.245.616.399

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	29.436.857.662	11.447.021.177
Nhiên liệu tồn trên tàu	27.856.801.618	17.169.349.919
Cộng	57.293.659.280	28.616.371.096

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.122.238.376	14.606.288.844
Cộng	7.122.238.376	14.606.288.844

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16.842.846.196	24.479.923.808
Cộng	16.842.846.196	24.479.923.808

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản ngắn hạn khác	113.252.798.274	108.014.382.761
Cộng	113.252.798.274	108.014.382.761

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	86.943.065.698	64.950.812.532	1.579.927.431.398	28.273.667.391	1.760.094.977.018
Tăng trong kỳ	2.002.091.819	56.050.243.689	182.183.885.899	2.864.952.032	243.101.173.439
Giảm trong kỳ			1.603.080	6.896.760.735	6.898.363.815
Số cuối năm	88.945.157.517	121.001.056.221	1.762.109.714.217	24.241.858.688	1.996.297.786.643
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	32.925.250.875	22.157.060.404	378.056.272.675	15.219.783.414	448.358.367.368
Tăng trong kỳ	7.048.804.460	15.474.602.417	115.068.904.984	2.238.097.247	139.830.409.108
Giảm trong kỳ				1.542.563.987	1.542.563.987
Số cuối năm	39.974.055.335	37.631.662.821	493.125.177.659	15.915.316.674	586.646.212.489
Số đầu năm	54.017.814.823	42.793.752.128	1.201.871.158.722	13.053.883.977	1.311.736.609.650
Số cuối năm	48.971.102.182	83.369.393.400	1.268.984.536.558	8.326.542.014	1.409.651.574.154

13. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải, truyền dẫn

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	23.890.768.666	8.694.494.353	15.196.274.313
Tăng trong kỳ	-	3.964.717.740	
Giảm trong kỳ	-	-	3.964.717.740
Số cuối kỳ	23.890.768.666	12.659.212.093	11.231.556.573

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.704.213.410	1.107.932.142	11.812.145.552
Tăng trong kỳ		7.664.274.219	7.664.274.219
Giảm trong kỳ			-
Số cuối năm	10.704.213.410	8.772.206.361	19.476.419.771
Giá trị hao mòn			

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số đầu năm		427.892.823	427.892.823
Tăng trong kỳ		788.070.842	788.070.842
Giảm trong kỳ			-
Số cuối năm		1.215.963.665	1.215.963.665
Số đầu năm	10.704.213.410	680.039.319	11.384.252.729
Số cuối năm	10.704.213.410	7.556.242.696	18.260.456.106

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Khu Công nghệ Cao GMD	3.658.444.173	3.658.444.173
Dự án Rạch Chiếc	21.780.909.996	18.736.599.515
Cảng Quốc Tế Gemadept Dung Quất	279.868.860.337	205.082.684.721
Các dự án khác	61.979.488.315	41.479.806.140
Cầu Liebherr		47.146.883.514
Phần mềm Oracle		7.399.686.208
Cộng	367.287.702.821	323.504.104.271

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải	279.590.434.198	16.647.704.713	262.942.729.485
Số cuối kỳ	279.590.434.198	16.647.704.713	262.942.729.485

17. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Nhơn Hội	6.600.000.000	6.600.000.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		25.500.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	33.410.389.360	33.405.386.260
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		40.034.257.500
Cộng	40.010.389.360	105.539.643.760

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45	45	42,761,600,000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	27	26,78	57,564,440,000
MBN-GMD VIETNAM	34	34	1,534,080,000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	33	29	32,206,940,000
Công ty cổ phần Cảng Nam Hải	30	30	27,596,000,000
Công ty cổ phần Du Lịch Minh Đạm	40	38	17,349,092,327
Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ điện lực	38	38	23,236,200,000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics VN	49	49	13,682,010,000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine VN	49	49	2,371,845,000
Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	23	23	57,800,000,000
Công ty OOCL	49	49	3,848,514,000
Cảng Cái Mep GMD - Terminal Link			604,012,327,921
Lãi khi hợp nhất			30,791,143,628
Các khoản liên kết khác			82,790,110,000
Cộng			997.544.302.876

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	314.992.690.000	404.908.709.600
Đầu tư trái phiếu, công trái	10.000.000.000	1.119.000.000
Đầu tư dài hạn khác	10.445.901.494	18.160.901.494
Cộng	335.438.591.494	424.188.611.094

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư các cổ phiếu được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2009) và giá gốc ghi trên sổ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	7.352.471.254	18.232.104.934
Gemadept (Malaysia) Ltd.		139.650.000
Gemadept Hải Phòng		92.100.191
Công ty TNHH Cảng Phước Long	1.067.431.474	1.277.366.164
Công ty Cảng Quốc tế Dung Quất	286.869.269	284.639.292
Công ty ISS Gemadept	321.728.270	557.662.342
Cộng	<u>9.028.500.267</u>	<u>20.583.522.923</u>

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

23. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	2.425.260.697	2.425.260.697
Cộng	<u>2.425.260.697</u>	<u>2.425.260.697</u>

24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	156.058.031.176	39.080.883.828
Gemadept (Singapore) Ltd.	77.146.300.000	139.460.569.714
Cảng Phước Long	99.449.160.846	
Công ty Cảng Quốc tế Dung Quất	5.700.000.000	5.700.000.000
Cộng	<u>338.353.492.022</u>	<u>184.241.453.542</u>

25. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	60.571.220.071	148.835.459.054
Gemadept (Singapore) Ltd.	5.344.209.733	87.330.742
Gemadept (Malaysia) Ltd.	6.607.708.552	10.874.222.100
Công ty Gemadept Logistics	8.395.397.011	473.502.961
Công ty Gemadept Hải Phòng	36.870.457.055	
Công ty Hạ Tầng Gemadept	337.697.664	
Công ty ISS Gemadept	24.618.040	
Công ty Cảng Phước Long	109.923.761.465	85.506.903.800
Công ty CP Trường Thọ	9.309.538.266	
Công ty Cảng Quốc tế Dung Quất	23.837.729.225	10.393.733.148
Cộng	<u>261.222.337.082</u>	<u>256.171.151.805</u>

26. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	18.487.729.544	21.790.662.239

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty ISS Gemadept	2.505.056.228	
Công ty Gemadept Hải Phòng	18.179.556	
Công ty Gemadept Logictics	3.836.379.033	
Công ty Cảng Phước Long	6.000.000.000	
Công ty Hạ Tầng Gemadept	996.617.600	
Gemadept Dung Quất	94.125.358	-
Cộng	<u>31.938.087.319</u>	<u>21.790.662.239</u>

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	34.886.136.219	8.989.099.923
Các công ty con hợp nhất	<u>12.457.134.565</u>	<u>5.123.185.118</u>
Cộng	<u>47.343.270.784</u>	<u>14.112.285.041</u>

28. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.

29. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	11.081.390.865	16.444.729.583
Các công ty con hợp nhất	<u>53.201.188.489</u>	<u>19.337.389.016</u>
Cộng	<u>64.282.579.354</u>	<u>35.782.118.599</u>

30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Bao gồm các khoản kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhận ký cược ký quỹ, các khoản thu hộ phải trả khác...

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	<u>78.486.189.217</u>	<u>141.542.758.403</u>
Cộng	<u>78.486.189.217</u>	<u>141.542.758.403</u>

31. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển:		
- Công ty cơ điện Thủ Đức do trong quá trình vận chuyển đã làm rơi máy phát điện xuống biển		4.127.690.538

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Geodis Wilson Vietnam do điều chỉnh sai nhiệt độ trong container làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hoá	5.965.960.405	5.965.960.405
- Các khoản dự phòng phải trả các đối tượng khác	572.494.831	1.648.316.717
Cộng	6.538.455.236	11.741.967.660

32. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản nhận ký quỹ thuê kho của Công ty liên doanh Lever Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài sản số 18/WH/GMD-LVN/2005 ngày 14 tháng 3 năm 2005.		101.640.000
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	24.329.236.108	25.612.873.302
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	283.980.000.000	283.980.000.000
Phải trả dài hạn khác	4.600.000.000	
Cộng	312.909.236.108	309.694.513.302

33. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	255.267.683.478	248.830.638.478
Công ty Cảng Quốc tế Dung Quất	221.771.032.575	215.163.698.795
Gemadept (Singapore) Ltd.	289.537.545.869	293.749.869.974
Cộng	766.576.261.922	757.744.207.247

34. Cổ tức

Trong năm 2009, công ty đã chi trả cổ tức 1.500 vnd / CP cho cổ đông.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.500.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.500.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.500.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.500.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.500.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

35. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	378.382.893	5.847.350.951
	378.382.893	5.847.350.951

36. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số	73.388.396.000	45.808.881.900
Lợi nhuận sau thuế lũy kế của cổ đông thiểu số	92.711.862.387	90.992.890.962
Cộng	166.100.258.387	136.801.772.862

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Trong kỳ, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư số 20/2006/TT- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006. Thông tư số 21/2006/TT- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

ĐỊA CHỈ : 6 LÊ THÁNH TÔN, P.BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
QUÍ 4 NĂM 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.126.863.388.572	1.004.367.582.580
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		268.290.529.978	200.964.237.594
1. Tiền	111	V.1	268.290.529.978	187.464.237.594
2. Các khoản tương đương tiền	112			13.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		209.278.644.729	91.315.414.965
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	242.011.115.978	227.757.256.682
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(32.732.471.249)	(136.441.841.717)
III. Các khoản phải thu	130		434.589.472.641	521.220.252.044
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	238.010.872.654	246.900.814.866
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	63.987.603.027	125.567.985.334
3. Phải thu nội bộ	133		-	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	133.700.176.359	149.997.068.243
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(1.109.179.399)	(1.245.616.399)
IV. Hàng tồn kho	140		57.293.659.280	28.616.371.096
1. Hàng tồn kho	141	V.8	57.293.659.280	28.616.371.096
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		157.411.081.944	162.251.306.882
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	7.122.238.376	14.606.288.844
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.193.199.099	15.150.711.470
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	16.842.846.196	24.479.923.807
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	113.252.798.274	108.014.382.761

Cho quý 4 năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.445.980.864.403	3.136.559.967.038
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.806.431.289.654	1.625.768.913.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	1.409.651.574.154	1.311.736.609.650
<i>Nguyên giá</i>	222		1.996.297.786.643	1.760.094.977.018
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(586.646.212.488)	(448.358.367.368)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	11.231.556.573	15.196.274.313
<i>Nguyên giá</i>	225		23.890.768.666	23.890.768.666
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(12.659.212.093)	(8.694.494.353)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	18.260.456.106	11.384.252.729
<i>Nguyên giá</i>	228		19.476.419.771	11.812.145.552
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.215.963.665)	(427.892.823)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	367.287.702.821	287.451.776.350
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	262.942.729.485	262.419.257.921
<i>Nguyên giá</i>	241		279.590.434.198	267.774.752.981
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(16.647.704.713)	(5.355.495.060)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.363.926.215.730	1.224.119.265.585
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	40.010.389.360	105.539.643.760
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	961.584.252.876	830.330.841.131
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	371.398.641.494	424.188.611.094
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.20	(9.067.068.000)	(135.939.830.400)
V. Lợi thế thương mại	260			-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		12.680.629.533	24.252.530.490
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.21	9.028.500.267	20.583.522.923
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.22	1.226.868.569	1.243.746.870
3. Tài sản dài hạn khác	278	V.23	2.425.260.697	2.425.260.697
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.572.844.252.974	4.140.927.549.619

Cho quý 4 năm 2009 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.930.328.396.463	1.769.191.772.613
I. Nợ ngắn hạn	310		848.288.024.246	688.818.470.329
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	338.353.492.022	184.241.453.542
2. Phải trả cho người bán	312	V.25	261.222.337.082	256.171.151.805
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	31.938.087.319	21.790.662.239
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.27	47.343.270.784	14.112.285.041
5. Phải trả công nhân viên	315	V.28	20.123.613.232	23.436.073.041
6. Chi phí phải trả	316	V.29	64.282.579.354	35.782.118.599
7. Phải trả nội bộ	317		-	(0)
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.30	78.486.189.217	141.542.758.403
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		V.31	6.538.455.236	11.741.967.660
II. Nợ dài hạn	320		1.082.040.372.216	1.080.373.302.284
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323	V.32	312.909.236.108	309.694.513.302
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.33	766.576.261.922	757.744.207.247
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		950.815.588	10.940.703.745
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.604.058.599	1.993.877.990
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.476.415.598.124	2.234.934.004.142
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.476.037.215.231	2.229.086.653.191
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	475.000.000.000	475.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	1.366.907.462.400	1.366.907.462.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.34	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	413		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		8.851.571.316	7.985.841.555
7. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	417	V.34	13.410.665.221	13.410.665.221
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	V.34	13.320.100.315	13.320.100.315
10. Lợi nhuận chưa phân phối	419	V.34	526.749.640.077	280.664.807.798
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		378.382.893	5.847.350.951
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	V.35	378.382.893	5.847.350.951
2. Nguồn kinh phí	422			-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	423			-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	V.36	166.100.258.387	136.801.772.862
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		4.572.844.252.975	4.140.927.549.619

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

ĐỊA CHỈ : 6 LÊ THÁNH TÔN, P.BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 Năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01 / 01 / 2009 Đến 31 / 12 / 2009	Từ 01 / 01 / 2008 Đến 31 / 12 / 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		367.737.422.223	138.893.365.890
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		154.332.843.356	119.969.549.770
- Các khoản dự phòng	03		(235.922.082.292)	215.379.804.233
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(21.034.513.273)	14.123.423.580
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51.107.859.741)	(425.662.562.374)
- Chi phí lãi vay	06		68.700.309.541	59.937.423.125
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		282.706.119.813	122.641.004.224
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		84.140.269.174	192.829.807.378
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.677.288.184)	(19.236.634.779)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		35.199.232.242	313.360.962.315
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.039.073.124	(21.722.491.967)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(64.285.732.943)	(56.724.915.625)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.580.375.537)	(52.871.466.750)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		201.086.294.215	145.502.116.395
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(175.590.115.198)	(212.098.807.997)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		345.037.476.707	411.679.573.194
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(335.518.691.532)	(850.198.616.602)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	50.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(49.493.370.000)	(17.477.445.779)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.549.339.600	44.900.974.643
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(57.979.190.670)	(539.477.504.641)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		43.160.572.712	370.557.582.768
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.398.083.915	114.086.438.284
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(370.883.255.974)	(877.558.389.509)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01 / 01 / 2009 Đến 31 / 12 / 2009	Từ 01 / 01 / 2008 Đến 31 / 12 / 2008
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		423.134.064.614	551.274.229.744
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(254.808.674.419)	(93.087.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(5.381.297.040)	(5.388.731.082)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(71.250.000.000)	(58.896.439.500)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số				(9.002.147.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		91.694.093.155	384.899.911.542
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		65.848.313.887	(80.978.904.773)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	200.964.237.594	275.754.725.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.477.978.497	6.188.417.052
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	268.290.529.978	200.964.237.593

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

ĐỊA CHỈ : 6 LÊ THÁNH TÔN, P.BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÍ 4 NĂM 2009**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2009	Tích Luỹ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	446.598.514.340	1.771.684.291.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	446.598.514.340	1.771.684.291.618
4. Giá vốn hàng bán	11	390.272.726.081	1.482.500.356.637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	56.325.788.259	289.183.934.981
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	65.308.681.826	176.565.781.790
7. Chi phí tài chính	22	(28.213.188.848)	(18.787.783.298)
Trong đó: chi phí lãi vay	23	17.827.263.627	68.700.309.541
8. Chi phí bán hàng	24	2.298.716.243	6.931.867.962
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	40.909.412.159	114.275.340.281
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	106.639.530.531	363.330.291.826
11. Thu nhập khác	31	2.457.827.258	11.785.920.622
12. Chi phí khác	32	588.533.026	7.378.790.225
13. Lợi nhuận khác	40	1.869.294.232	4.407.130.397
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	108.508.824.763	367.737.422.223
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21.387.325.268	35.073.166.346
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	87.121.499.495	332.664.255.877
17. Lợi ích cổ đông thiểu số	70	12.427.390.969	11.972.116.032
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty Gemadept	80	74.694.108.526	320.692.139.846
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	1.545	6.724

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc